

# CHUYỂN ĐỔI XANH - THÁCH THỨC VÀ ĐỘNG LỰC CHO TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ Ở VIỆT NAM

Nguyễn Song Tùng<sup>1</sup>, Triệu Thanh Quang<sup>2</sup>

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh toàn cầu hóa xanh sau COP26 và gia tăng các tiêu chuẩn môi trường trong thương mại quốc tế, chuyển đổi xanh ngày càng trở thành yêu cầu bắt buộc gắn với năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Ở Việt Nam, chuyển đổi xanh được xác định là trụ cột của mô hình tăng trưởng mới nhằm hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045 và phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích một số nghiên cứu trong và ngoài nước giai đoạn 2020-2025, kết hợp với phân tích chính sách và khung lý thuyết tăng trưởng xanh - tăng trưởng nội sinh để làm rõ mối quan hệ giữa chuyển đổi xanh và tăng trưởng kinh tế hai con số. Kết quả cho thấy, trong ngắn hạn, chuyển đổi xanh tạo áp lực do nhu cầu vốn lớn, khoảng trống thể chế - điều phối, hạn chế về công nghệ và nguồn nhân lực. Tuy nhiên, về dài hạn, chuyển đổi xanh có thể thúc đẩy tăng trưởng nhanh thông qua đổi mới công nghệ, nâng hiệu quả sử dụng tài nguyên, mở rộng thị trường và dòng vốn xanh, cải thiện năng suất lao động, và tăng khả năng chống chịu khí hậu, đặc biệt khi được hỗ trợ bởi chuyển đổi số và chính sách kiến tạo. Bài viết khẳng định rằng, tăng trưởng hai con số chỉ bền vững khi Việt Nam triển khai đồng bộ tài chính xanh, hoàn thiện thể chế, phát triển công nghệ, nhân lực xanh và tích hợp số hóa trong quản trị chuyển đổi.

**Từ khóa:** Chuyển đổi xanh; Phát triển bền vững; Tăng trưởng hai con số.

## GREEN TRANSFORMATION - CHALLENGES AND DRIVING FORCES FOR DOUBLE-DIGIT GROWTH IN VIETNAM

**Abstract:** In the context of green globalization following COP26 and increasing environmental standards in international trade, green transformation is becoming an increasingly mandatory requirement linked to competitiveness and sustainable development. In Vietnam, green transformation is identified as a pillar of the new growth model, aiming to become a high-income country by 2045 and achieve net-zero emissions by 2050. The paper uses a synthesis and analysis approach, combining several domestic and international studies from 2020-2025 with policy analysis and the theoretical framework of green growth - endogenous growth - to clarify the relationship between green transformation and double-digit economic growth. The results show that, in the short term, green transformation creates pressure due to large capital requirements, institutional and coordination gaps, technological limitations, and human resource constraints. However, in the long term, green transformation can drive rapid growth through technological innovation, improved resource efficiency, expanded green markets and capital flows, enhanced labor productivity, and increased climate resilience, especially when supported by digital transformation and proactive policies. The paper asserts that double-digit growth is only sustainable when Vietnam

<sup>1,2</sup> TS, Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững, email liên hệ: triuthanhquang@gmail.com.

*comprehensively implements green finance, perfects institutions, develops green technology and human resources, and integrates digitalization into transformation governance.*

**Keywords:** *Green transformation; Sustainable development; Double-digit growth.*

*Nộp bản thảo: 17/12/2025*

*Chấp nhận đăng: 15/02/2026*

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng cực đoan và tài nguyên toàn cầu suy giảm, nhiều quốc gia buộc phải chuyển dịch mô hình phát triển từ nền kinh tế dựa vào khai thác - phát thải sang nền kinh tế xanh, các-bon thấp và thích ứng tốt hơn trước các cú sốc môi trường (Khan và cộng sự, 2025). Từ sau hội nghị COP26 năm 2021, cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào giữa thế kỷ XXI đã trở thành trục định hướng của chiến lược phát triển ở nhiều nước, kéo theo làn sóng cải cách cấu trúc tăng trưởng theo hướng xanh hóa sản xuất, tuần hoàn tài nguyên và đổi mới sáng tạo dựa trên khoa học - công nghệ (World Bank, 2022).

Trong bối cảnh đó, chuyển đổi xanh không chỉ là lựa chọn mang tính đạo đức môi trường mà đang trở thành năng lực cạnh tranh và vị thế thị trường. Hơn 90% GDP toàn cầu hiện được tạo ra ở các quốc gia đã công bố cam kết Net Zero; đồng thời, các thị trường đang gia tăng tiêu chuẩn xanh và triển khai các cơ chế điều tiết mới (World Bank, 2025). Điều này có thể đặt ra “rào cản thương mại xanh” đối với hàng hóa có cường độ phát thải cao; nếu chậm chuyển đổi, các nền kinh tế có thể mất lợi thế cạnh tranh về giá và khả năng tiếp cận thị trường. Tuy nhiên, chuyển đổi xanh cũng đặt ra thách thức đáng kể cho các nền kinh tế theo đuổi mục tiêu tăng trưởng nhanh. Đầu tư cho hạ tầng xanh, chuyển đổi công nghệ sạch, đo lường, báo cáo phát thải, và tái cấu trúc chuỗi giá trị đòi hỏi nguồn lực tài chính, nhân lực và thể chế đủ mạnh; trong ngắn hạn có thể làm tăng chi phí đầu tư, gây gián đoạn sản xuất và tạo áp lực điều chỉnh cơ cấu lao động (World Bank, 2025). Vì vậy, câu hỏi trọng tâm không chỉ là “có cần chuyển đổi xanh hay không”, mà là “chuyển đổi xanh có thể song hành với tăng trưởng nhanh hay không và bằng cơ chế nào?”

Đối với Việt Nam, chuyển đổi xanh được xác định là động lực then chốt để hiện thực hóa khát vọng trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045 và đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 (World Bank, 2025). Trong định hướng phát triển, chuyển đổi xanh gắn chặt với chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo như các trụ cột của mô hình tăng trưởng mới. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 nhấn mạnh yêu cầu cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm đạt thịnh vượng kinh tế, bền vững môi trường và công bằng xã hội, hướng tới trung hòa các-bon (Quyết định số 1658/QĐ-TTg, 2021). Cùng với đó, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 cũng đặt ra yêu cầu tăng trưởng cao, ổn định và bền vững, tạo nên bài toán kép giữa mở rộng quy mô tăng trưởng và giảm cường độ phát thải.

Thực tiễn cho thấy Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều rào cản: cơ cấu năng lượng còn phụ thuộc lớn vào nhiên liệu hóa thạch; năng suất lao động và năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp còn hạn chế; thị trường tài chính xanh chưa phát triển tương xứng; và năng lực quản trị – thể chế cho chuyển đổi xanh còn phân tán (Lê Anh Tú & Lương Thanh Hải, 2024; Lương Thanh Hải, 2023; World Bank, 2022). Dù vậy, chuyển đổi xanh cũng đem lại lợi ích kép: công nghệ xanh và quản trị năng lượng hiệu quả có thể tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí sản xuất, nâng năng suất lao động thông qua cải thiện sức khỏe cộng đồng (đặc biệt nhờ giảm ô nhiễm không khí), đồng thời tạo dư

địa cho đổi mới sản phẩm và nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị (World Bank, 2025). Các nghiên cứu thực nghiệm còn cho thấy đổi mới công nghệ xanh có thể thúc đẩy hiệu quả năng lượng và cải thiện hiệu suất tổng thể của doanh nghiệp, qua đó củng cố nền tảng tăng trưởng dài hạn (Zhang và cộng sự, 2025).

Từ những lý do trên, bài viết này tập trung làm rõ câu hỏi trung tâm: đâu là những thách thức đối với chuyển đổi xanh ở Việt Nam và làm thế nào để chuyển đổi xanh là động lực cho mô hình tăng trưởng hai con số ở Việt Nam. Dựa trên việc tổng hợp, phân tích các nghiên cứu nổi bật trong và ngoài nước trong 5 năm trở lại đây, bài viết tập trung thảo luận và làm rõ cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về quan hệ giữa chuyển đổi xanh và tăng trưởng kinh tế hai con số và bối cảnh thực hiện ở Việt Nam. Trong đó, bài viết tập trung làm rõ (i) chuyển đổi xanh - thách thức đối với tăng trưởng hai con số, (ii) chuyển đổi xanh - động lực cho tăng trưởng nhanh và bền vững. Trên cơ sở đó, bài viết chỉ ra những điểm chính cần được quan tâm trong thực hiện chuyển đổi xanh nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số ở Việt Nam trong thời gian tới.

## **2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở dữ liệu**

Bài viết sử dụng dữ liệu thứ cấp được thu thập và tổng hợp từ (i) báo cáo, ấn phẩm, cơ sở dữ liệu của các tổ chức quốc tế (như World Bank, UNECE, OECD/UNEP, IEA, ILO...); (ii) văn bản, báo cáo và tài liệu chính sách của các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam; và (iii) các công trình nghiên cứu khoa học đã công bố trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo và các ấn phẩm học thuật khác. Phạm vi tư liệu về Việt Nam tập trung trong giai đoạn 2020 - 2025, ưu tiên các tài liệu liên quan trực tiếp đến: (1) khái niệm và cách tiếp cận chuyển đổi xanh/tăng trưởng xanh; (2) mối quan hệ giữa chuyển đổi xanh và tăng trưởng kinh tế nhanh/tăng trưởng hai con số; và (3) bối cảnh thực thi chuyển đổi xanh ở Việt Nam, bao gồm các điều kiện thể chế, tài chính xanh, công nghệ và nguồn nhân lực.

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu sau:

Một là, phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu thứ cấp: thu thập, đọc và tổng hợp có chọn lọc các nghiên cứu, báo cáo và tài liệu chính sách để hệ thống hóa khung khái niệm, các cơ chế tác động và bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ giữa chuyển đổi xanh và tăng trưởng kinh tế.

Hai là, phương pháp phân tích chính sách: phân tích bối cảnh của Việt Nam cho chuyển đổi xanh, phân tích khung thể chế, cơ chế tài chính xanh, năng lực công nghệ và nguồn nhân lực nhằm đánh giá mức độ sẵn sàng của Việt Nam trong triển khai chuyển đổi xanh và tăng trưởng hai con số.

## **3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

### **3.1. Cơ sở lý luận về chuyển đổi xanh và tăng trưởng hai con số**

*Khái niệm chuyển đổi xanh và tăng trưởng hai con số*

Chuyển đổi xanh là quá trình thay đổi toàn diện mô hình và cấu trúc của nền kinh tế nhằm hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo đảm bao trùm xã hội. UNECE (2022) xem chuyển đổi xanh là sự chuyển dịch hướng tới nền kinh tế ít các-bon, hiệu quả tài nguyên và bao trùm. OECD và UNEP nhấn mạnh chuyển đổi xanh như một

cách tiếp cận đổi mới để duy trì tiến bộ kinh tế mà không làm tổn hại môi trường và phúc lợi con người, đồng thời là sự dịch chuyển từ nền kinh tế tập trung phát thải sang nền kinh tế xanh (Khan và cộng sự, 2025; United Nations Environment Programme, 2011). Theo hướng tiếp cận này, tăng trưởng xanh không phủ định tăng trưởng mà làm cho quá trình phát triển trở nên chính xác hơn, hiệu quả hơn và có khả năng chống chịu tốt hơn trước các rủi ro và cú sốc so với mô hình tăng trưởng truyền thống (Khan và cộng sự, 2025).

Trong bối cảnh Việt Nam, chuyển đổi xanh được xác định là một trong các trụ cột cốt lõi để xác lập mô hình tăng trưởng mới, cùng với chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng và phát triển nguồn nhân lực (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, 2026). Theo đó, chuyển đổi xanh được hiểu như định hướng xây dựng lực lượng sản xuất mới, lấy trọng tâm là phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các mô hình tăng trưởng thân thiện với môi trường sinh thái. Nói cách khác, chuyển đổi xanh ở Việt Nam vừa là lộ trình giảm tác động môi trường của tăng trưởng, vừa là chiến lược tái cấu trúc động lực tăng trưởng theo hướng hiện đại và bền vững.

Tăng trưởng hai con số được xem là một dạng biểu hiện cụ thể của tăng trưởng nhanh, nhân mạnh đồng thời yêu cầu về tốc độ cao và tính bền vững theo thời gian. Theo Werker (2012), tăng trưởng hai con số (double-digit growth) là giai đoạn GDP thực đạt tốc độ tăng trưởng kép hàng năm từ 10% trở lên và được duy trì liên tục trong ít nhất 8 năm. Định nghĩa này hàm ý nền kinh tế không bắt buộc phải tăng trên 10% trong mọi năm, nhưng bình quân trong bất kỳ chu kỳ 8 năm liên tiếp phải đạt ngưỡng đó, tương đương với mức tăng trưởng tích lũy tối thiểu khoảng 114% (Werker, 2012). Trên cơ sở dữ liệu toàn cầu giai đoạn 1960 - 2010, Werker (2012) cho thấy hiện tượng tăng trưởng hai con số duy trì liên tục là cực kỳ hiếm gặp, chỉ ghi nhận 33 đợt và không có quốc gia nào đạt được hiện tượng này quá một lần; nhiều trường hợp thường được xem là thành công phát triển như Hàn Quốc, Ireland hay Chile cũng không xuất hiện trong danh sách, trong khi Singapore, Nhật Bản và Hồng Kông chỉ trải qua một giai đoạn ngắn ở thời kỳ đầu cất cánh, còn Trung Quốc là trường hợp ngoại lệ hiếm hoi duy trì kéo dài (Werker, 2012).

Đối với Việt Nam, mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân từ 10%/năm trở lên trong giai đoạn 2026 - 2030 được xem như bước khởi đầu quan trọng để hiện thực hóa khát vọng trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045 (Lê Quốc Hội và cộng sự, 2025; Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Tuy nhiên, do tính khắt khe và hiếm gặp của tăng trưởng hai con số trong lịch sử phát triển, việc theo đuổi mục tiêu này không thể chỉ là tăng tốc về lượng mà đòi hỏi chuyển đổi sâu sắc sang mô hình tăng trưởng chất lượng cao dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đặc biệt là chuyển đổi xanh nhằm mở rộng ranh giới năng suất, giảm phụ thuộc vào các động lực tăng trưởng thâm dụng tài nguyên và bảo đảm tính bền vững của quỹ đạo tăng trưởng (Nguyễn Văn Châu, 2025; Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

#### *Mối quan hệ giữa chuyển đổi xanh và tăng trưởng kinh tế*

Mối quan hệ giữa chuyển đổi xanh và tăng trưởng kinh tế mang tính biện chứng và là một chủ đề trung tâm trong kỷ nguyên phát triển bền vững. Quan hệ này thể hiện sự tương tác hai chiều: trong ngắn hạn có thể phát sinh mâu thuẫn do chi phí điều chỉnh và tái cơ cấu, nhưng trong dài hạn lại hình thành cơ chế cộng hưởng, trong đó chuyển đổi xanh trở thành tiền đề nâng cấp chất lượng tăng trưởng, còn tăng trưởng kinh tế cung cấp nguồn lực để thúc đẩy chuyển đổi (Hallegatte và cộng sự, 2011; Khan và cộng sự, 2025). Cách tiếp cận này vượt qua quan niệm truyền thống xem bảo vệ

môi trường là lực cản đối với phát triển kinh tế, đồng thời khẳng định rằng hai mục tiêu có thể song hành khi được dẫn dắt bởi đổi mới công nghệ và khung chính sách phù hợp (Porter & Linde, 1995; UNECE, 2022).

Trước hết, trong góc nhìn của kinh tế học truyền thống, quy định môi trường thường bị coi là một dạng đánh đổi giữa lợi ích xã hội và chi phí tư nhân: tiêu chuẩn môi trường càng khắt khe thì chi phí tuân thủ của doanh nghiệp càng tăng, kéo theo nguy cơ suy giảm năng lực cạnh tranh quốc tế (Porter & Linde, 1995). Thực tiễn lịch sử cũng cho thấy tăng trưởng GDP nhanh thường đi kèm suy thoái môi trường do khai thác tài nguyên quá mức và phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch (Hallegatte và cộng sự, 2011).

Trong khi đó, sự phát triển của lý thuyết tăng trưởng xanh đã bác bỏ luận điểm đánh đổi cứng nhắc và nhấn mạnh rằng các chính sách xanh có thể duy trì, thậm chí nâng cao động lực tăng trưởng, thông qua một số cơ chế chủ đạo. Thứ nhất, theo Giả thuyết Porter, các quy định môi trường nếu được thiết kế hợp lý không làm suy giảm năng lực cạnh tranh mà còn kích thích đổi mới công nghệ và quy trình, tạo ra các “bù đắp đổi mới” (innovation offsets) giúp tối ưu hóa nguồn lực, giảm lãng phí và bù đắp hoặc vượt chi phí tuân thủ ban đầu (Porter & Linde, 1995). Luận điểm quan trọng là ô nhiễm phản ánh sự kém hiệu quả trong sử dụng tài nguyên, do đó giảm ô nhiễm có thể đồng thời là nâng hiệu quả kinh tế. Thứ hai, từ lăng kính kinh tế học Keynes, đầu tư công cho giao thông công cộng, năng lượng tái tạo và kiểm soát ô nhiễm có thể vận hành như một gói kích thích, gia tăng tổng cầu và tạo việc làm (Khan và cộng sự, 2025). Theo kịch bản phát thải ròng bằng 0, việc làm trong ngành năng lượng sạch được dự báo đạt khoảng 40 triệu vào năm 2030, có khả năng bù đắp đáng kể sự sụt giảm việc làm trong ngành năng lượng hóa thạch (IEA, 2022). Thứ ba, tăng trưởng xanh nhấn mạnh vai trò của môi trường như một dạng vốn tự nhiên tham gia trực tiếp vào hàm sản xuất; do đó, bảo vệ môi trường giúp ngăn ngừa cạn kiệt tài nguyên, bảo vệ sức khỏe người lao động và giảm tổn thất vốn vật chất do thiên tai, qua đó nâng tổng sản lượng và chất lượng tăng trưởng (Hallegatte và cộng sự, 2011).

Ở chiều ngược lại, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững lại là điều kiện vật chất để hiện thực hóa chuyển đổi xanh. Quá trình xanh hóa đòi hỏi quy mô đầu tư hạ tầng rất lớn; để đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, đầu tư cho năng lượng sạch toàn cầu được ước tính cần tăng khoảng ba lần, đạt mức 4,2 nghìn tỷ USD vào năm 2030 (IEA, 2022). Chỉ khi nền kinh tế tăng trưởng đủ mạnh, khu vực công và tư mới tích lũy được nguồn lực cần thiết để tài trợ cho chuyển đổi. Đồng thời, theo lý thuyết tăng trưởng nội sinh, tăng trưởng phụ thuộc chặt chẽ vào đầu tư cho tri thức, vốn nhân lực và công nghệ; vì vậy, tăng trưởng tạo nguồn thu để chính phủ và doanh nghiệp tái đầu tư vào R&D và hệ sinh thái đổi mới, phát triển công nghệ xanh nhằm tách rời suy thoái môi trường khỏi phát triển kinh tế (Khan và cộng sự, 2025).

Cuối cùng, quan hệ biện chứng giữa chuyển đổi xanh và tăng trưởng được tăng cường bởi công nghệ số và khung chính sách kiến tạo. Các công nghệ như dữ liệu lớn, điện toán đám mây và trí tuệ nhân tạo giúp giám sát môi trường, tối ưu phân bổ nguồn lực và nâng hiệu quả thực thi chính sách giảm phát thải. Bằng chứng thực nghiệm tại Trung Quốc cho thấy các đổi mới công nghệ xanh gắn với chuyển đổi số không chỉ giảm chi phí sản xuất mà còn cải thiện đáng kể hiệu suất kinh tế khu vực (Zhang và cộng sự, 2025). Cùng với đó, việc thiết lập khung chính sách chiến lược, bao gồm: thuế môi trường, loại bỏ trợ cấp nhiên liệu hóa thạch có hại, xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật và lồng

ghép mục tiêu xanh vào chính sách vĩ mô giúp định hướng dòng vốn tư nhân vào tài sản phát thải thấp và nâng hiệu quả sử dụng năng lượng (UNECE, 2022).

Tóm lại, chuyển đổi xanh và tăng trưởng kinh tế có quan hệ tương hỗ sâu sắc: tăng trưởng cung cấp nền tảng vốn và công nghệ cho chuyển đổi, trong khi chuyển đổi xanh tái cấu trúc nền kinh tế, mở rộng ranh giới năng suất và khắc phục các thất bại thị trường liên quan đến ngoại ứng môi trường. Sự kết hợp hài hòa giữa cơ chế thị trường, đổi mới công nghệ và quản trị nhà nước có thể tạo lập quỹ đạo tăng trưởng nhanh theo hướng bền vững và thịnh vượng toàn diện (Khan và cộng sự, 2025; UNECE, 2022).

### **3.2. Chuyển đổi xanh tại Việt Nam: Thách thức và động lực đối với mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số**

#### *Chuyển đổi xanh - thách thức đối với tăng trưởng hai con số*

Mặc dù mang lại nhiều triển vọng trong dài hạn, chuyển đổi xanh vẫn đặt ra hàng loạt thách thức kinh tế, thể chế, công nghệ và xã hội trong giai đoạn đầu thực hiện, đặc biệt đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam nhất là trong bối cảnh thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tới.

Một là, áp lực chi phí và năng lực cạnh tranh

Theo ước tính của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), để đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, Việt Nam đòi hỏi tổng vốn đầu tư khoảng 330 - 370 tỷ USD (VietnamPlus, 2024). Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2024 cũng cho thấy nhu cầu tài chính cho các biện pháp giảm phát thải trong từng lĩnh vực, theo cam kết quốc gia đến năm 2030, ước tính khoảng 68,75 tỷ USD. Trong đó, phần vốn do Việt Nam tự huy động dự kiến khoảng 24,7 tỷ USD (chiếm 36%), còn lại khoảng 44 tỷ USD (chiếm 64%) cần đến sự hỗ trợ từ các nguồn lực quốc tế. Bên cạnh đó, để đạt được các mục tiêu khí hậu đã cam kết tại Hội nghị COP26, cũng như thúc đẩy quá trình thích ứng với biến đổi khí hậu và chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh, Việt Nam sẽ cần thêm nhiều nguồn vốn hơn nữa (Minh Hậu, 2024). Do vậy, việc huy động, quản lý và phân bổ hiệu quả các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước, cùng sự tham gia của cả khu vực công và tư, trở thành yếu tố then chốt và cấp thiết để bảo đảm cho quá trình chuyển đổi xanh và phát triển bền vững của quốc gia.

Đối với khu vực doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) đang gặp nhiều rào cản trong việc tiếp cận các nguồn tài chính xanh - một yếu tố then chốt cho quá trình chuyển đổi xanh của nền kinh tế. Mặc dù nhu cầu đầu tư cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo hay công nghệ sạch ngày càng tăng, phần lớn SMEs chưa thể tiếp cận vốn xanh do thiếu tài sản thế chấp, năng lực lập dự án hạn chế, và thiếu thông tin cũng như hiểu biết về tiêu chí “xanh” trong tài chính (VnEconomy, 2024). Nhiều ngân hàng thương mại cũng cho biết họ chưa có khung tiêu chuẩn đánh giá rủi ro môi trường - xã hội thống nhất, khiến quy trình xét duyệt tín dụng xanh trở nên phức tạp và tốn kém. Trong khi đó, chi phí đầu tư ban đầu cho công nghệ sạch thường cao, thời gian hoàn vốn dài, dẫn đến tâm lý e ngại của doanh nghiệp khi tham gia chuyển đổi. Thực tế này cho thấy khoảng cách lớn giữa chính sách và thực thi, khi các gói hỗ trợ tài chính xanh còn phân tán, quy mô nhỏ và chưa thực sự tiếp cận được nhóm doanh nghiệp có tỷ trọng tới 97% tổng số doanh nghiệp tại Việt Nam. Vì vậy, việc xây dựng cơ chế tín dụng xanh minh bạch, hướng dẫn rõ

tiêu chí và tăng cường vai trò của các định chế tài chính phát triển là điều kiện tiên quyết để SMEs có thể trở thành lực lượng chủ động trong quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh và phát thải thấp (VnEconomy, 2024). Hệ quả là, trong ngắn hạn, chuyển đổi xanh có thể làm giảm lợi nhuận và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp - điều có thể cản trở mục tiêu tăng trưởng hai con số nếu không có chính sách hỗ trợ đồng bộ.

Hai là, khoảng trống thể chế và cơ chế điều phối

Chuyển đổi xanh là một tiến trình liên ngành, đòi hỏi sự phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương. Tuy nhiên, theo Trần Ngọc Đan Trâm (2025) các khung pháp lý về thị trường carbon, thuế môi trường, cơ chế khuyến khích đầu tư xanh của Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hình thành và thiếu tính đồng bộ. Cơ chế điều phối liên ngành về tăng trưởng xanh hiện nay còn phân tán, chưa có đầu mối thống nhất để giám sát và đánh giá hiệu quả chính sách.

Ngoài ra, một thách thức lớn trong việc thúc đẩy tài chính xanh và giám sát hiệu quả chuyển đổi xanh nằm ở khả năng đo lường và định giá “hiệu quả xanh” trong hoạt động kinh tế. Việt Nam hiện đã ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh theo Thông tư số 10/2023/TT-BKHĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tạo khung pháp lý quan trọng cho việc theo dõi, đánh giá tiến trình tăng trưởng xanh và giảm phát thải trên phạm vi quốc gia. Tuy nhiên, việc triển khai thống nhất và cập nhật dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương vẫn còn gặp khó khăn; các công cụ định giá carbon, chuẩn mực báo cáo bền vững và cơ chế công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện (World Bank, 2022). Điều này có thể khiến doanh nghiệp và nhà đầu tư chưa thực sự lượng hóa được lợi ích dài hạn của đầu tư xanh, dẫn đến tâm lý thận trọng trong quyết định tài chính.

Ba là, thách thức về năng lực công nghệ và nguồn nhân lực

Chuyển đổi xanh không chỉ là vấn đề tài chính mà còn là vấn đề năng lực công nghệ và nhân lực. Theo Trương Thị Quỳnh Vân (2024) một trong những rào cản đáng kể đối với quá trình chuyển đổi xanh tại Việt Nam là hạn chế về chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực. Lực lượng lao động hiện nay chủ yếu được đào tạo theo mô hình truyền thống, thiếu kỹ năng chuyên môn liên quan đến công nghệ sạch, sản xuất tiết kiệm năng lượng, kinh tế tuần hoàn và quản trị môi trường. Ở nhiều ngành công nghiệp, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, năng lực ứng dụng khoa học - công nghệ xanh hạn chế, dẫn đến năng suất thấp và khó thích ứng với yêu cầu chuyển đổi. Ngoài ra, sự thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực mũi nhọn như năng lượng tái tạo, môi trường, công nghệ vật liệu xanh, và quản lý chất thải cũng đang trở thành thách thức lớn, làm chậm tiến trình đổi mới công nghệ và chuyển đổi mô hình sản xuất.

Bên cạnh đó, quá trình “xanh hóa” sản xuất có thể dẫn đến dịch chuyển cơ cấu lao động, khi các ngành sử dụng nhiều lao động giản đơn bị thu hẹp, trong khi nhu cầu về kỹ năng xanh (green skills) gia tăng nhanh chóng. Theo báo cáo của World Bank được thực hiện bởi Doan và cộng sự (2023), việc làm xanh hiện chiếm 3,6% tổng việc làm; đồng thời, có khoảng 88 nghề có tiềm năng “xanh hóa”, tương ứng 41% tổng việc làm. Điều này đặt ra yêu cầu cấp bách về đào tạo nguồn nhân lực xanh, đồng thời duy trì ổn định xã hội trong giai đoạn chuyển đổi.

Bốn là, cân bằng giữa mục tiêu môi trường và tăng trưởng ngắn hạn

Một thách thức mang tính chiến lược là cân bằng giữa mục tiêu giảm phát thải và nhu cầu tăng trưởng nhanh trong ngắn hạn. Theo Stern (2017), việc thắt chặt quy định phát thải và tăng thuế carbon có thể làm giảm tốc độ tăng GDP trong giai đoạn đầu, đặc biệt ở các nước có cơ cấu kinh tế phụ thuộc vào công nghiệp nặng và xuất khẩu. Việt Nam, với tỷ trọng công nghiệp chiếm gần 38% GDP (Trần Thị Vân Hoa & Hoàng Văn Hoa, 2024) và xuất khẩu chiếm trên 90% GDP (United Overseas Bank, Global Economics & Market Research, 2025), đối mặt nguy cơ suy giảm động lực tăng trưởng nếu các biện pháp xanh hóa không được thiết kế linh hoạt.

Do vậy, chuyển đổi xanh trong bối cảnh Việt Nam cần được nhìn nhận như một quá trình tiến hóa, đòi hỏi lộ trình rõ ràng, cơ chế bù đắp và hỗ trợ thích đáng cho các nhóm chịu tác động. Nếu quá trình này được triển khai đồng bộ và có chiến lược, Việt Nam có thể vượt qua “giai đoạn chi phí cao” để bước vào giai đoạn tăng trưởng năng suất xanh - tương tự mô hình mà Hàn Quốc và Trung Quốc đã trải qua trong thập niên 2010 (Zhang và cộng sự, 2025).

#### *Chuyển đổi xanh - động lực cho tăng trưởng nhanh và bền vững*

Nếu phân lớn các nghiên cứu trước đây nhấn mạnh chi phí và rào cản của chuyển đổi xanh thì các bằng chứng thực tiễn những năm gần đây lại chỉ ra rằng chuyển đổi xanh có thể trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng nhanh và chất lượng cao (World Bank, 2025). Từ góc độ kinh tế học đổi mới, chuyển đổi xanh mở ra cơ hội tạo lập một quỹ đạo tăng trưởng mới, dựa trên đổi mới công nghệ, năng lượng sạch, thị trường xanh và đầu tư bền vững.

Một là động lực từ đổi mới công nghệ và nâng cao năng suất

Chuyển đổi xanh gắn liền với cuộc cách mạng công nghệ xanh (green technological revolution). Các nghiên cứu của Porter & Linde (1995) và Hallegatte và cộng sự (2011) chỉ ra rằng, khi doanh nghiệp đối mặt với áp lực tuân thủ tiêu chuẩn môi trường, họ buộc phải đổi mới công nghệ để giảm phát thải và nâng cao hiệu quả sản xuất - qua đó tăng năng suất và khả năng cạnh tranh dài hạn.

Ở cấp độ quốc gia, đầu tư vào hạ tầng và công nghệ xanh thường tạo ra hiệu ứng lan tỏa công nghệ, hình thành các cụm đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực năng lượng, xây dựng và giao thông. Hàn Quốc, chẳng hạn, đã và đang sử dụng gói đầu tư “Green New Deal” 75,5 tỷ bảng để thúc đẩy tạo ra 659.000 việc làm năm 2025 (UNDP, 2020).

Tại Việt Nam, các dự án năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời và điện gió, không chỉ tạo ra năng lượng sạch mà còn kích thích sự phát triển của chuỗi cung ứng nội địa, góp phần tăng năng suất tổng hợp (TFP) của ngành công nghiệp chế tạo. Điều này cho thấy chuyển đổi xanh có thể đóng vai trò như động cơ thứ hai của tăng trưởng kinh tế bên cạnh chuyển đổi số.

Hai là động lực từ thị trường xanh và thu hút dòng vốn xanh

Cùng với xu hướng toàn cầu hóa xanh, thị trường hàng hóa, dịch vụ và tài chính xanh đang trở thành một không gian tăng trưởng mới. Theo UNCTAD (2023) các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào năng lượng tái tạo và công nghệ môi trường toàn cầu đã tăng hơn 70% trong giai đoạn 2016 - 2021. Các quốc gia có chính sách xanh hóa sớm thường thu hút lượng vốn lớn nhờ cam kết ESG (Environmental, Social and Governance).

Đối với Việt Nam, việc đẩy mạnh thực hiện các cam kết tại COP26 và xây dựng thị trường carbon nội địa dự kiến từ năm 2028 sẽ giúp nâng cao uy tín quốc gia và khả năng thu hút đầu tư

quốc tế. Các quỹ đầu tư lớn như JICA, ADB và GCF (Green Climate Fund) đã cam kết hỗ trợ Việt Nam hàng tỷ USD cho quá trình chuyển đổi năng lượng. Như vậy, chuyển đổi xanh không chỉ là chi phí, mà còn là công cụ tạo vốn và mở rộng thị trường xuất khẩu - đặc biệt trong bối cảnh các thị trường lớn như EU áp dụng cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM).

Ba là động lực từ tái cơ cấu nền kinh tế và nâng cao chất lượng tăng trưởng

Chuyển đổi xanh thúc đẩy dịch chuyển nguồn lực từ các ngành thâm dụng năng lượng và tài nguyên sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ xanh và nông nghiệp hữu cơ. Theo một số chuyên gia, nếu các chiến lược tăng trưởng xanh được triển khai đồng bộ và quyết liệt trên quy mô lớn sẽ giúp GDP có khả năng tăng trưởng đột phá 10-12%/năm (Đặng Đình Tường, 2025). Tận dụng tối đa tiềm năng kinh tế xanh, Việt Nam không chỉ đạt được tốc độ tăng trưởng GDP hai con số mà còn tiến gần hơn đến mục tiêu phát triển bền vững, giảm mạnh phát thải khí nhà kính và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Bên cạnh đó, theo Điện lực Việt Nam (2025), chuyển đổi xanh góp phần cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng, từ đó giảm chi phí sản xuất trung bình. Việt Nam được xem là một trong những quốc gia đạt nhiều thành tựu nổi bật về phát triển năng lượng tái tạo. Hệ thống điện Việt Nam đạt khoảng 87,6 GW công suất lắp đặt (không bao gồm điện nhập khẩu), qua đó được EVN ghi nhận xếp thứ hai trong ASEAN về quy mô công suất nguồn. Trong cơ cấu nguồn, nhóm năng lượng tái tạo không tính thủy điện (gồm điện gió, điện mặt trời và sinh khối) đạt khoảng 24.453MW, tương đương 27,9% tổng công suất, phản ánh vai trò ngày càng rõ nét của năng lượng tái tạo trong đảm bảo an ninh năng lượng và hỗ trợ mục tiêu giảm phát thải. Điều này không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mà còn khuyến khích doanh nghiệp nội địa tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Bốn là động lực xã hội - môi trường và phát triển bao trùm

Ngoài khía cạnh kinh tế, chuyển đổi xanh còn là động lực thúc đẩy công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Các chính sách phát triển đô thị xanh, giao thông công cộng và năng lượng sạch giúp giảm ô nhiễm không khí, nâng cao sức khỏe cộng đồng và năng suất lao động. WHO (2024) dẫn ước tính của World Bank cho thấy ô nhiễm không khí gây tổn thất kinh tế - xã hội cho Việt Nam tương đương khoảng 4% GDP mỗi năm.

Hơn nữa, quá trình xanh hóa cũng mở ra cơ hội việc làm xanh. ILO (2022) cho rằng quá trình chuyển đổi sang kinh tế xanh có thể tạo ra khoảng 100 triệu việc làm mới vào năm 2030. Theo Doan và cộng sự (2023), dựa trên Điều tra Lao động việc làm 2021, Việt Nam hiện có 39 nghề được phân loại là việc làm xanh; đồng thời, nhiều nghề khác có tiềm năng 'xanh hóa' trong thời gian tới. Do vậy, với dân số trẻ và lực lượng lao động dồi dào, Việt Nam có tiềm năng tận dụng cơ hội này để chuyển dịch việc làm sang các ngành năng lượng tái tạo, xây dựng bền vững và nông nghiệp tuần hoàn. Đây chính là động lực kép: vừa duy trì tăng trưởng nhanh, vừa đảm bảo tính bao trùm và bền vững của phát triển.

Từ các phân tích trên có thể khẳng định rằng, chuyển đổi xanh không chỉ là mục tiêu môi trường mà còn là chiến lược kinh tế mới, tạo nền tảng cho tăng trưởng năng suất cao, thu hút đầu tư quốc tế và mở rộng thị trường xuất khẩu. Trong dài hạn, nếu được triển khai đồng bộ, chuyển đổi xanh

có thể giúp Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng cao, giảm thiểu rủi ro môi trường và nâng cao phúc lợi xã hội - hướng tới mô hình tăng trưởng hai con số bền vững.

#### 4. Kết luận

Chuyển đổi xanh và tăng trưởng kinh tế nhanh có mối quan hệ biện chứng: trong ngắn hạn, chuyển đổi xanh có thể làm gia tăng chi phí điều chỉnh, tạo áp lực đối với doanh nghiệp và ngân sách; nhưng về dài hạn, đây lại là nền tảng để nâng cấp mô hình tăng trưởng theo hướng năng suất, đổi mới và chống chịu tốt hơn trước rủi ro khí hậu cũng như biến động thị trường (Hallegatte và cộng sự, 2011; Khan và cộng sự, 2025; UNECE, 2022). Trong bối cảnh toàn cầu hóa xanh sau COP26, cam kết Net Zero và các tiêu chuẩn thị trường ngày càng nghiêm ngặt khiến chuyển đổi xanh không còn là lựa chọn mang tính “đạo đức môi trường” thuần túy, mà đã trở thành vấn đề năng lực cạnh tranh và duy trì khả năng tiếp cận các thị trường lớn (World Bank, 2025).

Đối với Việt Nam, chuyển đổi xanh được đặt ở vị trí trung tâm của mô hình phát triển mới gắn với chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, nhằm hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045 và đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 (World Bank, 2025). Tuy nhiên, bài viết cho thấy quá trình này đang đối mặt nhiều thách thức có thể làm suy giảm dự địa tăng trưởng hai con số nếu không được xử lý đồng bộ. Nổi bật là (i) yêu cầu huy động nguồn lực tài chính rất lớn và rào cản tiếp cận tài chính xanh của doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm SMEs; (ii) khoảng trống thể chế và cơ chế điều phối liên ngành, bao gồm chuẩn mực đo lường - báo cáo - thâm định xanh và các công cụ thị trường; (iii) hạn chế về năng lực công nghệ và nguồn nhân lực, trong bối cảnh nhu cầu kỹ năng xanh gia tăng nhanh; và (iv) bài toán cân bằng giữa mục tiêu giảm phát thải và nhu cầu duy trì động lực tăng trưởng ngắn hạn của một nền kinh tế có độ mở lớn, cơ cấu công nghiệp - xuất khẩu cao (World Bank, 2025).

Ở chiều ngược lại, các luận cứ lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm trong bài viết cho thấy chuyển đổi xanh hoàn toàn có thể trở thành động lực mới của tăng trưởng nhanh và bền vững. Giả thuyết Porter nhấn mạnh rằng quy định môi trường được thiết kế hợp lý có thể kích thích đổi mới công nghệ, giảm lãng phí tài nguyên và nâng hiệu quả sản xuất, từ đó cải thiện năng suất và năng lực cạnh tranh dài hạn (Porter & Linde, 1995). Tăng trưởng xanh cũng được củng cố bởi cách nhìn môi trường như “vốn tự nhiên” tham gia trực tiếp vào hàm sản xuất: bảo vệ môi trường và nâng khả năng thích ứng giúp giảm tổn thất do thiên tai, cải thiện sức khỏe, tăng năng suất lao động và giảm chi phí xã hội (Hallegatte và cộng sự, 2011). Đồng thời, xu hướng đầu tư xanh và thị trường xanh mở rộng tạo cơ hội thu hút vốn, phát triển công nghệ và hình thành không gian tăng trưởng mới, đặc biệt khi công nghệ số đóng vai trò chất xúc tác cho giám sát, tối ưu hóa và nâng hiệu quả chính sách (Zhang và cộng sự, 2025). Thực tiễn phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2025 cũng cho thấy khả năng tái cấu trúc nguồn theo hướng ít phát thải đã đạt quy mô đáng kể, góp phần củng cố an ninh năng lượng và tạo dư địa cho tăng trưởng dựa trên đổi mới.

Các phân tích trên cho thấy mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tới chỉ khả thi và bền vững khi chuyển đổi xanh được triển khai như một chiến lược kinh tế - công nghiệp tổng thể, với trọng tâm là nâng năng suất xanh và giảm chi phí chuyển đổi. Điều này đòi hỏi một gói giải pháp đồng bộ gồm: (i) huy động và phân bổ hiệu quả tài chính xanh, phát triển thị trường vốn xanh và cơ chế chia sẻ rủi ro để khơi thông đầu tư tư nhân; (ii) hoàn thiện thể chế và thiết lập cơ chế điều phối đủ mạnh nhằm bảo đảm tính thống nhất của chính sách; (iii) đầu tư cho R&D, chuyển giao công

nghệ và phát triển nguồn nhân lực - kỹ năng xanh; và (iv) tận dụng chuyên đổi số để đo lường, minh bạch hóa và tối ưu hiệu quả thực thi chính sách. Nếu các điều kiện này được đáp ứng, chuyển đổi xanh sẽ không phải là chi phí bắt buộc, mà trở thành động lực mở rộng ranh giới năng suất, củng cố năng lực cạnh tranh, và giúp Việt Nam tiến gần hơn tới mô hình tăng trưởng nhanh theo hướng bền vững trong kỷ nguyên mới.

### Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. (2026). *Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*. Truy cập tại <https://xdocs.cdnchinhphu.vn/446259493575335936/2026/2/6/bao-cao-ctri-17703880212842123567259-17703933605411372590556.pdf>.
2. Doan, D., Luu, T., Nguyen, N. T., & Safir, A. (2023). *Green jobs: Upskilling and reskilling Vietnam's workforce for a greener economy* (Policy note). World Bank.
3. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. (2026). *Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*. Truy cập tại <https://baochinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-102260206211344712.htm>.
4. Đặng Đình Tường. (2025). *Tác động của tăng trưởng xanh đến tăng trưởng ở Việt Nam: Liệu có thể đạt tăng trưởng hai con số? Đại học Kinh tế quốc dân*.
5. Electricity of Vietnam. (2025, December 30). *Vietnam's power system ranks second in ASEAN*. EVN. Truy cập tại <https://en.evn.com.vn/d/en-US/news/Vietnams-power-system-ranks-second-in-ASEAN-60-163-501175>.
6. Hallegatte, S., Heal, G., Fay, M., & Treguer, D. (2011). From growth to green growth - A framework, World Bank Policy Research Working Paper No. WPS5872.
7. IEA, P. (2022). *World energy outlook 2022*. Paris, France: International Energy Agency (IEA), 17.
8. ILO. (2022, May 24). *The Just Ecological Transition: An ILO solution for creating 100 million jobs by 2030* | International Labour Organization. <https://www.ilo.org/resource/news/just-ecological-transition-ilo-solution-creating-100-million-jobs-2030>.
9. Khan, R. Z., Razak, L. A., & Premaratne, G. (2025). Green growth and sustainability: A systematic literature review on theories, measures and future directions. *Cleaner and Responsible Consumption*, 17, 100274. Truy cập tại <https://doi.org/10.1016/j.clrc.2025.100274>.
10. Lê Anh Tú, & Lương Thanh Hải. (2024). *Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh cho phát triển bền vững (Phần I)*. Truy cập tại <https://vioit.org.vn/chuyen-doi-so--chuyen-doi-xanh-cho-phat-trien-ben-vung--phan-1--5963.4050.html>.
11. Lê Quốc Hội, Hoàng Hồng Hiệp, Phạm Thu Hằng, & Nguyễn Thị Hoài Thu. (2025). *Phát triển các vùng động lực để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số ở Việt Nam*. Truy cập tại <https://khoa.hoc.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/khoa.hoc/h%E1%BB%99i%20th%E1%BA%A3o/t%E1%BB%8Da%20L%C4%91%C3%A0m/2025/2%20con%20s%E1%BB%91/Nghien%20cuu%20nhanh/8.%20GS.TS%20L%C3%AA%20Qu%E1%BB%91c%20H%E1%BB%99i.pdf>.
12. Lương Thanh Hải. (2023). *Chuyển đổi xanh: Vấn đề và giải pháp cho Việt Nam*. <https://vioit.org.vn/chuyen-doi-xanh--van-de-va-giai-phap-cho-viet-nam-5583.4050.html>.
13. Minh Hậu. (2024). *Diễn đàn “Hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tại Việt Nam: Thúc đẩy dòng vốn xanh”*. Truy cập tại <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2024-9-10/Dien-dan-Hien-thuc-hoa-Chien-luoc-quoc-gia-ve-tangkpgf6m.aspx>.
14. Nguyễn Văn Châu. (2025). Phát triển khoa học, công nghệ nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số. *Tạp Chí Lý Luận Chính Trị*, (574).

15. Porter, M. E., & Linde, C. van der. (1995). Toward a new conception of the environment-competitiveness relationship. *Journal of Economic Perspectives*, 9(4), 97-118.
16. Trần Ngọc Đan Trâm. (2025). Một số vấn đề pháp lý về thị trường giao dịch tín chỉ các-bon tự nguyện tại Việt Nam. *Tạp chí Tòa án nhân dân*. Truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/mot-so-van-de-phap-ly-ve-thi-truong-giao-dich-tin-chi-cac-bon-tu-nguyen-tai-viet-nam13840.html>.
17. Trần Thị Vân Hoa, & Hoàng Văn Hoa. (2024). Hướng tới mục tiêu trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao ... *Tạp Chí Cộng Sản*. Truy cập tại <https://kinhtrunguoc.vn/web/guest/nguyen-cuu-trao-doi/huong-toi-muc-tieu-tro-thanh-nuoc-dang-phat-trien-co-cong-nghiep-hien-dai-thu-nhap-trung-binh-cao-vao-nam-2030.html>.
18. Trương Thị Quỳnh Vân. (2024). *Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*. Viện Nghiên Cứu Chiến Lược, Chính Sách - Bộ Công Thương. Truy cập tại <https://vioit.org.vn/phat-trien-kinh-te-xanh-o-viet-nam--thuc-trang-va-giai-phap-5941.4050.html>.
19. UNCTAD. (2023). World Investment Report 2022: International tax reforms and sustainable investment: United Nations Conference on Trade and Development, Geneva and New York, 2022, 219 pp. ISBN: 978-9211130492. *Journal of International Business Policy*, 6(2), 235.
20. United Nations Development Programme. (2020, September 10). *Korean New Deal for the post-COVID-19 era*. UNDP Seoul Policy Centre. Truy cập tại <https://www.undp.org/policy-centre/seoul/news/korean-new-deal-post-covid-19-era>.
21. UNECE. (2022). *Green Transitions Guidance Note-Enabling policies and strategic frameworks: Towards a more strategic approach to supporting the green transitio*. Truy cập tại <https://uneuropecentralasia.org/sites/default/files/2023-05/Guidance%20Note%20-%20Enabling%20policies%20and%20strategic%20frameworks%20-%20Final.pdf>.
22. United Nations Environment Programme. (2011). *UNEP Year Book 2011: Emerging Issues in Our Global Environment*. UNEP/Earthprint.
23. United Overseas Bank. Global Economics & Market Research. (2025, April 7). *Macro Note – Vietnam: IQ GDP overshadowed by Trump tariffs* (Research note). UOB. Truy cập tại [https://www.uob.sg/assets/web-resources/research/pdf/MN\\_250407A.pdf](https://www.uob.sg/assets/web-resources/research/pdf/MN_250407A.pdf).
24. VnEconomy. (2024, November 26). *Tài chính xanh: Cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam*. VnEconomy. Truy cập tại <https://vneconomy.vn/tai-chinh-xanh-co-hoi-va-thach-thuc-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-tai-viet-nam.htm>.
25. VietnamPlus. (2024, September 10). *Thúc đẩy dòng vốn xanh hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững*. VietnamPlus. Truy cập tại <https://www.vietnamplus.vn/thuc-day-dong-von-xanh-hien-thuc-hoa-muc-tieu-phat-trien-ben-vung-post975886.vnp>.
26. World Bank. (2022). *Vietnam Country Climate and Development Report* (CCDR Series. © World Bank). Truy cập tại <http://hdl.handle.net/10986/37618>.
27. World Bank. (2025). *Việt Nam 2045 - Tăng trưởng Xanh hơn: Con đường Hướng tới Tương lai Bền vững*. Truy cập tại <https://www.worldbank.org/vi/country/vietnam/publication/viet-nam-2045-growing-greener-pathways-to-a-resilient-and-sustainable-future>.
28. World Health Organization. (2024, June 5). *Tackle sources of air pollution to protect and promote health, development and productivity, say UN agencies in Viet Nam to mark World Environment Day (5 June)*. WHO. Truy cập tại <https://www.who.int/vietnam/news/commentaries/detail/tackle-sources-of-air-pollution-to-protect-and-promote-health--development-and-productivity--say-un-agencies-in-viet-nam-to-mark-world-environment-day-%285-june%29>.
29. Zhang, S., Chen, D., & Zou, Q. (2025). China's green transformation under the dual incentives of economic growth and environmental protection. *International Review of Financial Analysis*, 102, 104150. Truy cập tại <https://doi.org/10.1016/j.irfa.2025.104150>.